

DANH SÁCH

Học sinh đề nghị hưởng chính sách học sinh bán trú học kỳ I
năm học 2025-2026 theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số: 626/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND phường Mường Lay)

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
	TỔNG CỘNG							3.617.640.000	43.200.000	57.975	
I	Trường PT DTBT Tiểu học số 2 Sá Tổng			222.768.000	0	3.570	984	921.024.000	0	14.760	
1	Giàng A Bảo	1A1	26/04/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
2	Vừ A Cường	1A1	03/02/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
3	Vàng A Chính	1A1	15/03/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
4	Hờ A Dương	1A1	18/08/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
5	Giàng Thị Gồng	1A1	08/09/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
6	Giàng Thị Giải	1A1	05/12/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
7	Sùng A Hay	1A1	23/01/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
8	Vừ Thị Lũ	1A1	20/12/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
9	Giàng A Mông	1A1	16/09/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
10	Hờ Thị Mải	1A1	13/10/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
11	Vàng A Phía	1A1	26/07/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
12	Giàng Đức Trường	1A1	30/08/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
13	Giàng Thị Viên	1A1	11/10/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
14	Sùng Thị xe	1A1	28/09/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
15	Giàng Thị Dí	1A1	13/04/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
16	Giàng A Tùng	1A1	24/10/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
17	Hờ A Anh	1A2	05/10/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
18	Sùng Thị Chính	1A2	30/06/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
19	Vàng A Công	1A2	08/11/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
20	Vàng Thị Cống	1A2	23/08/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
21	Giàng A Dư	1A2	16/06/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ/ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
22	Giàng Thị Kìa	1A2	18/07/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
23	Sùng Văn Lương	1A2	19/09/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
24	Giàng A Lương	1A2	05/01/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
25	Sùng Sĩ Sai	1A2	01/12/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
26	Vàng Thị Sảy	1A2	27/01/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
27	Sùng A Sĩ	1A2	05/05/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
28	Giàng A Thư	1A2	02/01/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
29	Giàng A Túa	1A2	06/02/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
30	Hờ Thị Bàu	1A2	01/07/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
31	Hờ Thị Dầy	1A2	17/12/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
32	Giàng Thị Pà	1A2	06/01/2019	936.000		15	5	4.680.000		75	
33	Sùng A Châu	2A1	13/01/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
34	Sùng T. Pà Chim	2A1	01/08/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
35	Sùng Đỗ Chuyên	2A1	23/12/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
36	Sùng Thị Dụ	2A1	26/02/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
37	Giàng Thị Ly	2A1	17/11/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
38	Hờ Thị Yến Linh	2A1	21/11/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
39	Sùng A Loa	2A1	02/05/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
40	Sùng Thị Hờ	2A1	29/03/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
41	Hờ A Hiếu	2A1	20/10/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
42	Sùng A Nu	2A1	21/08/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
43	Sùng Thị Thuý	2A1	01/05/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
44	Sùng Thái Xuân	2A1	26/02/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
45	Vàng A Đông	2A1	24/11/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
46	Hờ A Đông	2A1	20/09/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
47	Hờ A Trường	2A1	26/10/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
48	Sùng A Sĩ	2A1	26/08/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
49	Hờ Thị Bía	2A1	22/03/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
50	Giàng A Minh	2A1	22/02/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
51	Hồ A Đông	2A1	09/02/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
52	Hồ A Ly	2A1	10/02/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
53	Hồ Thị Bảy	2A2	27/02/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
54	Ly A Chủ	2A2	03/12/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
55	Giàng A Chua	2A2	06/08/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
56	Sùng Thị Đĩa	2A2	23/08/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
57	Sùng A Đông	2A2	23/02/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
58	Sùng A Lả	2A2	26/11/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
59	Hồ A Linh	2A2	26/10/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
60	Sùng A Sừ	2A2	19/01/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
61	Hồ A Thương	2A2	02/07/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
62	Giàng Thị Tiên	2A2	27/01/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
63	Vàng A Dĩa	2A2	10/05/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
64	Giàng Thị Nhi	2A2	30/10/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
65	Hồ A Sơn	2A2	20/05/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
66	Hồ A Cường	2A2	30/09/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
67	Sùng Thị Vi	2A2	23/10/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
68	Giàng A Dưa	2A2	10/03/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
69	Hồ A Mũ	2A2	20/08/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
70	Giàng A Súa	2A2	24/09/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
71	Giàng A Phương	2A2	26/05/2018	936.000		15	4	3.744.000		60	
72	Vừ A Du	3A1	05/05/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
73	Sùng Thị Duyên	3A1	15/12/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
74	Hồ Trường Chính	3A1	30/04/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
75	Vàng Chiến Hậu	3A1	10/12/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
76	Vàng Thị Hóa	3A1	01/01/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
77	Vàng A Hương	3A1	01/02/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ/ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/ năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
78	Sùng A Kênh	3A1	26/07/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
79	Sùng Thị Ly	3A1	08/09/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
80	Hồ Thị Má	3A1	26/05/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
81	Sùng A Phòng	3A1	21/08/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
82	Giàng Thị Pà	3A1	21/07/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
83	IIờ Thị Nhung Soạn	3A1	17/04/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
84	Vàng Thái Sơn	3A1	08/09/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
85	Hồ Thị Sừ	3A1	16/12/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
86	Vừ Thị Tàu	3A1	20/03/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
87	Vừ A Thức	3A1	25/03/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
88	Vừ A Trà	3A1	07/06/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
89	Sùng Trung Tường	3A1	25/11/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
90	Sùng A cầu	3A2	07/03/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
91	Vừ Thị Chấu	3A2	02/08/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
92	Vàng Thị Đê	3A2	01/08/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
93	Giàng Thị Đúa	3A2	02/01/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
94	Sùng A Hoắc	3A2	16/10/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
95	Giàng Thị Gầu Nà	3A2	14/07/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
96	Sùng Thị Nủ	3A2	02/09/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
97	Vàng A Sinh	3A2	28/10/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
98	Sùng Thị Sù	3A2	18/06/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
99	Hồ A Thiên	3A2	17/06/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
100	Vàng A Tiễn	3A2	24/04/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
101	Vàng A Tuấn	3A2	25/05/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
102	Vàng Anh Tuấn	3A2	06/07/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
103	Giàng Thế Dân	3A3	16/09/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
104	Giàng Thị Di	3A3	15/11/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
105	Sùng Thị Dợ	3A3	20/07/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
106	Hồ Thị Gênh	3A3	12/02/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
107	Giàng Gia Huy	3A3	08/01/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
108	Sùng A Khai	3A3	31/10/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
109	Giàng A Ly	3A3	07/05/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
110	Vừ Thị Máy	3A3	08/05/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
111	Hồ Thị Mò	3A3	26/08/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
112	Hồ Thị Nhénh	3A3	19/10/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
113	Hồ A Phần	3A3	13/02/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
114	Giàng A Bi	3A3	14/06/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
115	Vừ Thị Chi	3A3	18/04/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
116	Giàng A Quân	3A3	09/11/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
117	Giàng A Vua	3A3	25/03/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
118	Giàng A Cương	3A3	24/04/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
119	Ly Thị E	3A3	31/12/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
120	Vàng Thị Nhi	3A3	05/10/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
121	Vàng Thị Phương	3A3	03/08/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
122	Hồ Minh Khang	3A3	12/07/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
123	Sùng Thị Giáy	3A3	09/09/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
124	Giàng A Sính	3A3	13/05/2017	936.000		15	4	3.744.000		60	
125	Hồ A Chù	4A1	03/05/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
126	Sùng Thị Dợ	4A1	06/03/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
127	Vừ Thị Diên	4A1	15/05/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
128	Giàng Thành Dung	4A1	23/12/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
129	Giàng Thị Dính	4A1	07/05/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
130	Vừ Thị Đoàn	4A1	03/02/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
131	Hồ A Đông	4A1	04/12/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
132	Sùng A Minh	4A1	26/12/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
133	Giàng Thị Yến Nhi	4A1	28/08/2916	936.000		15	4	3.744.000		60	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ/ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
134	Sùng T Hoa Nhi	4A1	13/11/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
135	Sùng A Phong	4A1	14/03/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
136	Ly A Phương	4A1	10/04/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
137	Vàng Mãnh Thiên	4A1	05/06/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
138	Sùng A Thư	4A1	10/06/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
139	Sùng A Thương	4A1	28/10/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
140	Hồ Thị Sinh	4A1	15/11/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
141	Sùng A Số	4A1	08/12/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
142	Hồ Thị Trắng	4A1	27/10/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
143	Vàng Ngọc Anh	4A3	13/11/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
144	Vàng Thị Ánh	4A3	16/08/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
145	Sùng Thị Cái	4A3	27/10/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
146	Giàng Thị Cờ	4A3	10/09/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
147	Sùng Thị Đề	4A3	08/01/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
148	Sùng Thị Dĩa	4A3	22/10/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
149	Giàng Thị Gầu	4A3	13/12/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
150	Sùng Thị Gà	4A3	04/04/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
151	Giàng Thị Ha	4A3	22/03/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
152	Vừ Thị Hiền	4A3	21/10/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
153	Vàng A Hóa	4A3	22/07/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
154	Giàng A Khánh	4A3	16/12/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
155	Sùng A Khiêm	4A3	09/09/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
156	Giàng Thị Lừ	4A3	21/06/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
157	Vàng A Phương	4A3	24/10/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
158	Vừ A Qua	4A3	09/01/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
159	Vàng A Sinh	4A3	04/11/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
160	Sùng A Thông	4A3	09/03/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
161	Giàng Thị Vũ	4A3	24/08/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
162	Giàng Thị Xít	4A3	02/02/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
163	Hồ Thị Dĩnh	4A3	23/10/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
164	Sùng A Phương	4A3	26/03/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
165	Sùng A Anh	4A2	11/04/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
166	Vàng Thị Bầu	4A2	28/11/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
167	Hồ A Em	4A2	29/10/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
168	Sùng Thị Gánh	4A2	07/03/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
169	Hồ Thị Hoa	4A2	18/11/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
170	Hồ A Hường	4A2	12/07/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
171	Vàng Thị Nà	4A2	05/01/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
172	Hồ A Pó	4A2	02/09/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
173	Sùng A Quân	4A2	22/04/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
174	Giàng A Quốc	4A2	07/12/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
175	Vàng Thị Si	4A2	13/11/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
176	Giàng A Đình	4A2	05/12/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
177	Giàng Pó Hộ	4A2	24/11/2016	936.000		15	4	3.744.000		60	
178	Giàng A Anh	5A1	10/09/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
179	Sùng A Các	5A1	28/10/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
180	Hồ A Chua	5A1	12/01/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
181	Giàng A Công	5A1	15/02/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
182	Giàng Thị Dợ	5A1	07/06/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
183	Hồ Thị Dợ	5A1	23/07/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
184	Hồ A Hanh	5A1	02/06/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
185	Vừ Thị Hương	5A1	14/02/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
186	Hồ A Khoa	5A1	17/05/2013	936.000		15	4	3.744.000		60	
187	Vàng Thị Lan	5A1	05/12/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
188	Sùng Thị Liên	5A1	09/06/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
189	Hồ A Ngoan	5A1	29/11/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
190	Hồ A Phanb	5A1	10/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
191	Vàng Thị Phi	5A1	15/08/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
192	Vừ A Phình	5A1	02/05/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
193	Sùng Trường Sơn	5A1	08/02/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
194	Vàng Thị Sùng	5A1	22/02/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
195	Sùng A Thành	5A1	04/02/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
196	Sùng Ngọc Vương	5A1	29/08/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
197	Vàng Thị Xi	5A1	03/01/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
198	Sùng Thị Xi	5A1	01/05/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
199	Hồ A Phía	5A1	18/05/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
200	Hồ A Lự	5A1	12/02/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
201	Vàng A Sá	5A2	14/02/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
202	Vàng A Chương	5A2	09/07/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
203	Hồ A Dừng	5A2	06/03/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
204	Sùng Thị Dừng	5A2	17/04/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
205	Sùng Thị Dúa	5A2	07/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
206	Vàng A Chung	5A2	18/10/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
207	Vàng Thị Lan	5A2	22/02/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
208	Sùng Thị Nà	5A2	23/01/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
209	Vàng A Phê	5A2	11/05/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
210	Vàng A Tượng	5A2	16/07/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
211	Hồ Thị Phòng	5A2	04/05/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
212	Vàng Thị Sia	5A2	04/06/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
213	Sùng A Sur	5A2	20/12/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
214	Vừ A Tùng	5A2	14/12/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
215	Hồ Thị Xi	5A2	12/01/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
216	Hồ A Thắng	5A2	01/03/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
217	Giàng A Trình	5A2	09/07/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Tiền ở được hỗ trợ trên tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng số Tiền ăn được hỗ trợ/ năm	Tổng số Tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số Gạo được hỗ trợ/ năm	Ghi chú
218	Hồ Thị Tùng	5A2	05/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
219	Sùng A Và	5A2	04/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
220	Sùng Thị Kế	5A2	14/06/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
221	Sùng Trần Cường	5A3	13/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
222	Sùng A Cung	5A3	12/08/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
223	Sùng A Nam	5A3	17/11/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
224	Giàng Thị Xanh	5A3	03/07/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
225	Giàng Thị Che	5A3	07/10/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
226	Giàng Thị Lý	5A3	03/08/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
227	Giàng Thị Lìa	5A3	27/11/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
228	Hồ A Giàng	5A3	22/02/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
229	Sùng Thị Dừa	5A3	14/01/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
230	Hồ A Khử	5A3	02/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
231	Hồ Thị Xinh	5A3	29/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
232	Sùng Thị Chía	5A3	20/01/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
233	Giàng A Văn	5A3	04/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
234	Giàng Thị Dừa	5A3	26/12/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
235	Vàng Thị Nà	5A3	01/09/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
236	Vàng Du Móng	5A3	16/08/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
237	Sùng A Lông	5A3	06/10/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
238	Hồ Thị Sua	5A3	01/05/2015	936.000		15	4	3.744.000		60	
II	Trường THCS Lay Nua							404.352.000	0	6.480	
1	Sùng A Bình	6A	08/03/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
2	Hồ A Cá	6A	03/09/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
3	Giàng Thị Cây	6A	01/05/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
4	Giàng Thị Hiền	6A	30/12/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
5	Hồ A Hùng	6A	12/12/2014	936.000		15	4	3.744.000		60	
6	Hồ Thị Kía	6A	03/05/2011	936.000		15	4	3.744.000		60	